

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HS-ST
Ngày: 26 -10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Hồ Tuấn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2023/HSST, ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí L (tên gọi khác: N), sinh ngày 04/02/2000, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thúy N1; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh P, sinh ngày 25/3/2003, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh V và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 24/9/1999, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Bích N3; vợ Phạm Thị Hương T1; có 02 người con (lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Minh T2, sinh ngày 24/5/1999, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T3 và bà Phan Thị M; anh chị em ruột có 02 người (lớn sinh năm 1993, nhỏ là bị cáo); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Đông Đ, sinh ngày 18/12/2001, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Dân Đ1 và bà Trần Thị Bích N4; anh chị em ruột có 02 người (lớn sinh năm 1991, nhỏ là bị cáo); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Thanh Tuấn A (tên gọi khác: C1), sinh ngày 09/8/1996, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh T4 và bà Trương Thị Hiệp E; vợ Phan Thị Trúc M1; có 02 người con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Lê Hoàng T5, sinh năm 2003 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Lê Hoàng T6, sinh năm 1997 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phan Thị M, sinh năm 1974 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Trương Thị Hiệp E, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Trần Thị Bích N4, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Trần Thị Bích N3, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Ngọc Băng T7, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Nguyễn Thanh E1, sinh năm 1984 (vắng)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1985 (vắng)

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 18/3/2023, Nguyễn Thanh E1 có mâu thuẫn với Lê Hoàng T5 và Lê Hoàng T6. Thanh Em đến nhà của anh ruột là Nguyễn Văn T ngồi uống rượu và kể lại sự việc đánh nhau với T5.

Sau đó, T5 tìm đến nhà của T gặp Thanh E1 và có lời lẽ đe dọa đốt nhà. T nghe thấy sự việc nên sợ Thanh E1 và T5 đánh nhau nên điện thoại cho con ruột là Nguyễn Chí L kêu về nhà để can ngăn.

L đang câu cá cùng Ngô Minh T2 tại khu vực xã A, huyện L nên L điều khiển xe mô tô chở T2 về nhà đồng thời điện thoại cho Ngô Trọng N5 đến nhà xem sự việc. Khi về đến nhà, L nhìn thấy N5 đang đợi trước cổng, T và Thanh E1 đang uống rượu ở khu vực nhà sau. Sau khi nghe sự việc, L điện thoại cho Lê Thanh P đến nhà. L nhìn thấy Trần Thanh Tuấn A và Đỗ Đông Đ điều khiển xe chạy ngang nên L kêu vào. L nghĩ cha và chú ruột bị T5 ức hiếp nên L nói với T2, N5, P, Đ, Tuấn A sẽ tìm đánh T5 thì cả nhóm thống nhất. L vào nhà lấy ra 05 con dao tự chế để cạnh hàng rào và chỉ cho mọi người vị trí để dao sau đó chờ Tính xuất hiện.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L nhìn thấy Nguyễn Ngọc B T7 điều khiển xe mô tô, T6 điều khiển xe mô tô chở T5 chạy ngang nhà nên L nói

“Nó kia tui bây” đồng thời chạy đến hàng rào lấy 03 con dao để trên бага xe, Tuấn A và N5 mỗi người lấy 01 con dao. P điều khiển xe mô tô chở L, Đ chở Tuấn A, T2 chở N5 đuổi theo T5, T6, T7. Lúc này, Thanh E1 biết việc L sẽ dùng dao đi gây thương tích cho T5 nên nhờ Nguyễn Văn Ú điều khiển xe đuổi theo ngăn việc đánh nhau. Khi đến khu vực ấp H, xã H, huyện L thì nhóm của L bắt kịp nhóm T5. P điều khiển xe chở L vượt lên chặn đầu xe của T6. L, P, Đ, Tuấn A xuống xe hỏi T6 “Phải rể bác P1 không”, T5 trả lời “Không phải” thì P nói “Nó đó”. T6 tăng ga xe chạy đi thì bị P điều khiển xe tông thẳng vào xe làm T6 và T5 té ngã. Tính và L vật nhau ngã ra nền lộ. P đến xe lấy dao chém trúng người Tính 01 nhát, N5 dùng dao chém trúng Tính 01 nhát, Tuấn A dùng dao chém trúng Tính 01 cái nên T5 bỏ L ra. L chạy đến xe lấy 02 con dao chém trúng Tính 02 - 03 nhát, L tiếp tục quay sang chém T6 02 - 03 nhát. Sau khi chém xong, cả nhóm quay về thì gặp Nguyễn Văn Ú chở Thanh E1 đến nên cùng quay về nhà T.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể số 144/KLTTCT-TTPY ngày 08/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Hoàng T6 tại thời điểm giám định là 06%.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể số 145/KLTTCT-TTPY ngày 08/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Hoàng T5 tại thời điểm giám định là 16%.

Quá trình điều tra, Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị hại Lê Hoàng T5 yêu cầu các bị cáo bồi thường 130.000.000 đồng (Trong đó: chi phí điều trị: 12.600.000 đồng; tiền ăn lúc nuôi bệnh: 1.400.000 đồng; tiền công của người nuôi bệnh: 6.000.000 đồng; tiền mất thu nhập 01 năm: 80.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng).

Bị hại Lê Hoàng T6 yêu cầu các bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng (Trong đó: chi phí điều trị: 6.000.000 đồng; tiền công lao động: 3.600.000 đồng; chi phí người nuôi bệnh: 3.400.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 7.000.000 đồng).

Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành thu giữ hung khí của vụ án bao gồm: 01 con dao tự chế có cán gỗ màu đen dài 20cm, lưỡi kim loại dài 36cm; 01 dao rựa dài 43,5cm không có cán; 01 con dao tự chế có cán nhựa màu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 36cm; 02 con dao tự chế cùng loại có cán gỗ màu nâu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 32,5cm.

- Tại Cáo trạng số 92/CT-VKS, ngày 29/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ truy tố Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Chí L khai nhận: hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích. Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/3/2023, bị cáo biết được chú ruột là Nguyễn Thanh E1 xảy ra mâu thuẫn xô xát với Lê Hoàng T6 và Lê Hoàng T5 nên nảy sinh ý định gây thương tích cho T6 và T5. Bị cáo rủ Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ và Trần Thanh Tuấn A cùng bị cáo gây thương tích cho T6 và T5. Bị cáo chuẩn bị 05 con dao để mang theo. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, bị cáo cùng N2, P, Tuấn A đã dùng dao chém gây thương tích cho T6 và T5 tại khu vực ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo Lê Thanh P khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng truy tố. Khi L rủ đi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đồng ý, bị cáo chạy xe tông vào xe của bị hại và bị cáo có dùng dao chém vào người bị hại.

Bị cáo Ngô Minh T2 khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng truy tố. Khi L rủ đi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đồng ý và bị cáo chở N2, N2 có cầm 01 con dao, đến nơi bị cáo không có gây thương tích cho bị hại.

Bị cáo Trần Thanh Tuấn A trình bày: Bị cáo thông nhất tội danh, điều luật Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội cố ý gây thương tích. Khi L rủ đi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đồng ý và bị cáo có trực tiếp dùng dao chém vào người bị hại gây thương tích.

Bị cáo Nguyễn Trọng N2 trình bày: Bị cáo thông nhất tội danh, điều luật Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội cố ý gây thương tích. Khi L rủ đi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đồng ý và bị cáo có dùng dao trực tiếp chém vào người bị hại gây thương tích.

Bị cáo Đỗ Đông Đ2 trình bày: Bị cáo thông nhất với tội danh, điều luật Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Khi L rủ đi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đồng ý và bị cáo có dùng xe chở Tuấn A đuổi theo bị hại. Đến nơi bị cáo không có gây thương tích cho bị hại.

Bị hại T6 trình bày: Về trách nhiệm dân sự đã nhận tiền bồi thường xong nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại T5 trình bày: Về trách nhiệm dân sự: đã nhận tiền bồi thường xong nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự: xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo P, T2, Đ2, Tuấn A, N2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm bà M, Bích N4, Bích N3, Hiệp E và ông T trình bày: các bị cáo có tác động gia đình bồi thường

cho hai bị hại và các ông, bà không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho hai bị hại.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: khẳng định cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí L mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Thanh P mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Trọng N2 mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Trần Thanh Tuấn A mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Ngô Minh T2 mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Đỗ Đông Đ mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/6/2023.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao tự chế có cán gỗ màu đen dài 20cm, lưỡi kim loại dài 36cm;

- 01 dao rựa dài 43,5cm không có cán;

- 01 con dao tự chế có cán nhựa màu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 36cm;

- 02 con dao tự chế cùng loại có cán gỗ màu nâu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 32,5cm

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/8/2023).

+ Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo cáo xin lỗi gia đình và bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, không mâu thuẫn và còn phù hợp với biên bản sự việc, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định tổn thương cơ thể của bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/3/2023, Nguyễn Chí L biết được việc chú ruột là Nguyễn Thanh E1 xảy ra mâu thuẫn xô xát với Lê Hoàng T6 và Lê Hoàng T5 nên nảy sinh ý định gây thương tích cho T6 và T5. L rủ Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ và Trần Thanh Tuấn A cùng L gây thương tích cho T6 và T5 thì T2, N2, P, Đ, Tuấn A đồng ý. L chuẩn bị 05 con dao làm hung khí gây án. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L, N2, P, Tuấn A đã dùng dao gây thương tích cho Lê Hoàng T6 với tỷ lệ 6%, gây thương tích cho Lê Hoàng T5 với tỷ lệ 16% tại khu vực ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Xét các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N6, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ và Trần Thanh Tuấn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác, làm mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã dùng hung khí nguy hiểm gây tổn hại cho sức khỏe của bị hại dưới dạng thương tích, nên phải bị xử lý nghiêm khắc, để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy, các bị cáo chưa có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm không có tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hậu quả phạm tội chung đã gây ra, đồng thời còn phải chịu trách nhiệm tương ứng với mức độ, hành vi phạm tội đã thực hiện. Cụ thể như sau:

Trước tiên là bị cáo Nguyễn Chí L, đã khởi xướng rủ các bị cáo còn lại gây thương tích cho bị hại, chuẩn bị dao tự chế mang đưa cho các bị cáo và trực tiếp dùng dao gây thương tích cho bị hại nhiều nhất nên hình phạt đối với bị cáo phải nghiêm khắc nhất.

Kế đến là bị cáo P, N2, Tuấn A đã trực tiếp dùng dao chém vào người bị hại nên mức hình phạt phải nghiêm khắc chỉ sau bị cáo L.

Sau cùng là bị cáo Đ, T2 sau khi nghe L rủ đi gây thương tích cho bị hại cũng đồng ý và bị cáo T2 chở bị cáo N2, bị cáo Đ chở bị cáo Tuấn A đuổi theo bị hại và chở N2, Tuấn A về. Tuy bị cáo Đ, T2 không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Nhưng xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại; bị hại Tính xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo P, T2, Đ, Tuấn A, N2; bị cáo L và T2 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo T2 có ông ngoại, bà ngoại, cậu ruột là người có công với cách mạng; bị cáo N2 có ông nội là người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: bị hại T5 và T6 đã nhận tiền bồi thường xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[4] Về vật chứng: 01 dao tự chế bằng kim loại dài 56cm, cán bằng gỗ màu đen dài 20cm, lưỡi kim loại dài 36cm; 01 dao rựa dài 43,5cm không có cán; 01 dao tự chế dài 50cm, có cán bằng nhựa màu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài

36cm; 02 dao tự chế dài 46,5cm, có cán gỗ màu nâu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 32,5cm (Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/8/2023). Cả năm dao tự chế là của bị cáo L nhưng là hung khí nguy hiểm dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

1.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

1.4 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Tuấn A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023.

1.5 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2023

1.6 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đông Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 56cm, cán bằng gỗ màu đen dài 20cm, lưỡi kim loại dài 36cm;

- 01 (một) dao rựa dài 43,5cm không có cán;

- 01 (một) dao tự chế dài 50cm, có cán bằng nhựa màu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 36cm;

- 02 (hai) dao tự chế dài 46,5cm, có cán gỗ màu nâu đen dài 14cm, lưỡi kim loại dài 32,5cm

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/8/2023).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo Nguyễn Chí L, Ngô Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Thanh P, Đỗ Đông Đ, Trần Thanh Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an V1;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết